

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

• **Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	6.630.400	66.304.000.000	51,00
Ngân hàng Thương mại CP Phương Nam	1.420.000	14.200.000.000	11,00
Các cổ đông khác	4.949.600	49.496.000.000	38,00
Cộng	13.000.000	130.000.000.000	100,00

• **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.
Website : capnuoccholon.com.vn
Mail : cncholon@capnuoccholon.com.vn
Điện thoại : (84-8) 38 552 354
Fax : (84-8) 39 550 424
Mã số thuế : 0304797806

• **Hoạt động chính của Công ty:**

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Đình Phú	Chủ tịch	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Phạm Mạnh Đức	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Phát Minh	Thành viên	29 tháng 04 năm 2008	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Tú Anh	Trưởng ban	02 tháng 12 năm 2006	04 tháng 05 năm 2011
Bà Dương Quỳnh Nga	Trưởng ban	04 tháng 05 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Minh Châu	Ủy viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Đức Hùng	Ủy viên	02 tháng 12 năm 2006	04 tháng 05 năm 2011
Ông Lê Hùng Cường	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên	04 tháng 05 năm 2011	-

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Mạnh Đức	Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Ông Lê Trọng Hiếu	Phó Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Bà Lại Thị Thu	Kế toán trưởng	29 tháng 01 năm 2007	-

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Xác nhận của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



PHẠM MANH ĐỨC - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2012

Số: 0007/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 05 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2012

**VÕ THÊ HOÀNG – Giám đốc điều hành**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.565.469.913	96.917.103.279
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	71.714.690.471	17.448.150.338
1. Tiền	111		10.398.488.511	4.848.150.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.316.201.960	12.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	31.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	4.000.000.000	31.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.890.325.629	37.541.733.928
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	2.851.527.567	1.470.820.843
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	12.774.769.235	30.977.830.640
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	4.470.059.080	5.812.436.202
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.6	(1.206.030.253)	(719.353.757)
IV. Hàng tồn kho	140		10.888.569.928	8.406.848.596
Hàng tồn kho	141	VI.7	10.888.569.928	8.406.848.596
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.071.883.885	2.520.370.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	163.334.167	439.584.981
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.609.269.453	1.875.210.066
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.9	299.280.265	205.575.370
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.963.082.307	150.559.162.826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		168.342.667.158	149.816.080.647
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	146.320.284.361	130.512.641.729
Nguyên giá	222		406.379.317.136	361.779.283.050
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.059.032.775)	(231.266.641.321)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	1.025.173.076	405.775.343
Nguyên giá	228		1.816.219.333	904.805.876
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(791.046.257)	(499.030.533)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	20.997.209.721	18.897.663.575
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.080.000	7.080.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.080.000	7.080.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		613.335.149	736.002.179
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	613.335.149	736.002.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		276.528.552.220	247.476.266.105

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		98.344.932.507	85.222.293.824
I. Nợ ngắn hạn	310		74.864.039.871	61.733.886.351
1. Phải trả người bán	312	VI.14	5.175.486.287	3.838.436.445
2. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	1.306.112.603	704.504.423
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	8.645.402.939	7.311.227.784
4. Phải trả người lao động	315	VI.17	12.881.484.637	13.037.574.645
5. Chi phí phải trả	316	VI.18	10.773.663.873	7.687.404.471
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	34.658.717.324	28.491.437.768
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.24	1.423.172.208	663.300.815
II. Nợ dài hạn	330		23.480.892.636	23.488.407.473
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.20	14.961.245.641	11.868.516.558
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.21	7.864.508.054	11.144.897.452
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.22	655.138.941	474.993.463
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		178.183.619.713	162.253.972.282
I. Vốn chủ sở hữu	410		178.183.619.713	162.253.972.282
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.23	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.23	17.652.353.119	8.944.426.703
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.23	5.522.531.743	3.775.200.247
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	VI.24	-	332.778.038
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.23	25.008.734.851	19.201.567.294
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		276.528.552.220	247.476.266.105

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2012



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

(Signature)

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		565.850.928.404	458.047.942.913
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		333.038.043	496.704.326
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	565.517.890.361	457.551.238.587
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	512.322.642.107	421.090.322.589
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.195.248.254	36.460.915.998
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	9.193.991.269	6.322.346.607
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	783.812.122	855.474.401
Trong đó: chi phí lãi vay	23		783.812.122	855.474.401
8 Chi phí bán hàng	24	VII.5	7.258.652.035	5.543.832.911
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	17.236.782.209	14.142.859.147
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.109.993.158	22.241.096.146
11 Thu nhập khác	31	VII.7	413.328.959	1.250.601.834
12 Chi phí khác	32	VII.8	256.831.618	892.289.281
13 Lợi nhuận khác	40		156.497.342	358.312.553
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.266.490.499	22.599.408.699
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18	9.982.979.108	3.484.606.080
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.283.511.391	19.114.802.620
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	2.099	1.470

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2012



PHẠM MANH ĐỨC - Giám đốc

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		37.266.490.499	22.599.408.699
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		29.084.407.178	26.572.202.787
- Các khoản dự phòng	03		486.676.496	502.324.467
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		10.058.036.999	6.322.346.607
- Chi phí lãi vay	06		783.812.122	855.474.401
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.679.423.294	56.851.756.961
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.336.967.521	(23.708.680.245)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.481.721.332)	(1.295.765.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13.899.326.241	13.683.391.789
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		398.917.844	8.324.437.583
- Tiền lãi vay đã trả	13		(783.812.122)	(855.474.401)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(4.488.177.016)	(2.096.270.240)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30.100.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.699.338.141)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.891.686.289	50.903.395.467
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.610.993.689)	(34.860.350.691)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		27.000.000.000	(12.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.110.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(10.058.036.999)	(6.322.346.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.669.030.688)	(53.187.807.298)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	5.185.671.242
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.280.389.398)	(5.546.636.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.675.726.070)	(9.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.956.115.468)	(9.460.964.758)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		54.266.540.133	(11.745.376.589)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.448.150.338	29.193.526.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	71.714.690.471	17.448.150.338

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2012



PHẠM MẠNH ĐỨC - Giám đốc

Thư

LẠI THỊ THU - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ Phần cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
Xây dựng công trình cấp nước;
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
Lập dự án;
Thẩm tra thiết kế;
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
Đại lý ký gửi hàng hóa./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 05 của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phương tiện truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí còn phải trả các công trình nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Trích trước chi phí gắn Đồng hồ nước và cải tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán bổ sung vào chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2011 là năm thứ ba áp dụng hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của hoạt động cung cấp nước được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và thời điểm ghi nhận chỉ số nước sử dụng thường không trùng với thời điểm kết thúc niên độ.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận theo số thực thu. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	38.281.904	16.504.500
Tiền mặt VND	38.281.904	16.504.500
(b) Tiền gửi ngân hàng	10.360.206.607	4.831.645.838
Tiền mặt VND	10.360.206.607	4.831.645.838
(c) Khoản tương đương tiền	61.316.201.960	12.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng VND	61.316.201.960	12.600.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	71.714.690.471	17.448.150.338

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 5 – 12 tháng	4.000.000.000	31.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	31.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ủy Ban Nhân Dân Phường 13, Quận 6	-	9.462.654
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	2.851.527.567	1.461.358.189
Cộng	2.851.527.567	1.470.820.843

4. Trả trước người bán

- Công ty TNHH Đăng Hưng	563.327.750	563.327.750
- Công ty CP Đầu tư & XD Trường An	305.953.962	305.953.962
- Tổng Công ty Cơ điện XD Nông nghiệp và Thủy lợi	-	696.080.000
- Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp Nước	1.708.484.035	3.652.080.069
- Công ty CP Tư vấn XD Cấp Nước	209.493.136	761.020.062
- Công ty TNHH XDBCN & Đường Ông Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	50.470.764	20.579.048.431
- Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.105.915.744	1.817.027.760
- Công ty TNHH Đạt Đức	-	848.811.304
- Trung tâm thông nghệ thông tin Địa Lí	112.392.390	-
- Công ty TNHH TM XD Việt Long	4.192.970.552	-
- Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	1.708.335.004	-
- CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)	465.728.930	-
- CN Tổng Công ty Cơ Điện -XDNN	348.040.000	-
- Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	295.373.008	-
- Các nhà cung cấp khác	897.462.140	943.659.482
Cộng	12.774.769.235	30.977.830.640

5. Phải thu khác

- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.952.621.965	2.973.715.873
- Ngân hàng Ngoại Thương	63.000.000	137.500.000
- Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN Hoà Bình	157.022.474	1.169.861.111
- Ngân hàng Phương Nam CN Hồng Bàng	91.388.889	222.619.445
- Ngân hàng Tín Nghĩa	512.237.247	258.450.000
- Ngân hàng TM CP An Bình	100.736.217	-
- Phải thu về khoản cho mượn vật tư	233.549.680	539.100.482
- Phải thu các đối tượng khác	359.502.608	511.189.290
Cộng	4.470.059.080	5.812.436.202

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 1 năm và dưới 2 năm	581.477.065	-
- Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 2 năm và dưới 3 năm	-	341.111.265
- Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	624.553.188	378.242.492
Cộng	1.206.030.253	719.353.757

7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	10.802.840.287	8.349.029.844
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.729.642	57.818.752
Cộng	10.888.569.928	8.406.848.596

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Số dư đầu năm		439.584.981
- Số phát sinh tăng trong kỳ	351.497.000	
- Số phân bổ trong kỳ	627.747.814	
Số chờ phân bổ chuyển sang kỳ sau	163.334.167	

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	20.000.000	4.356.370
- Phòng tổ chức hành chính	20.000.000	3.600.170
- Các nhân viên khác	-	756.200
Ký quỹ ngắn hạn	279.280.265	201.219.000
- Công ty CP ĐT Phát triển hạ tầng IDICO	-	25.719.000
- BQL Đầu tư XD Công trình quận Bình Tân	148.632.472	-
- NH Phương Nam CN Hồng Bàng	130.647.793	-
- NH NN&PTNT CN Hòa Bình	-	175.500.000
Cộng	299.280.265	205.575.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2.036.875.500	1.525.708.224	354.007.142.925	4.209.556.401	361.779.283.050
2. Tăng trong năm	-	273.180.455	43.518.941.874	1.366.670.157	45.158.792.486
Mua sắm mới	-	273.180.455	696.489.647	1.366.670.157	2.336.340.259
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	38.297.189.609	-	38.297.189.609
Tăng khác	-	-	4.525.262.618	-	4.525.262.618
3. Giảm trong năm	-	-	283.984.705	274.773.695	558.758.400
Giảm theo kết quả quyết toán công trình	-	-	283.984.705	-	283.984.705
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	274.773.695	274.773.695
4. Số cuối năm	2.036.875.500	1.798.888.679	397.242.100.094	5.301.452.863	406.379.317.136
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	1.299.242.570	1.461.362.012	225.966.257.262	2.539.779.477	231.266.641.321
2. Tăng trong năm	71.067.564	47.065.547	28.089.704.301	754.509.255	28.962.346.667
Khấu hao trong năm/kỳ	71.067.564	47.065.547	28.089.704.301	754.509.255	28.962.346.667
Tăng khác (do giảm NG do QT)	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	18.001	-	20.877.092	149.060.120	169.955.213
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	149.060.120	149.060.120
Khác	18.001	-	20.877.092	-	20.895.093
4. Số cuối năm	1.370.292.133	1.508.427.559	254.035.084.471	3.145.228.612	260.059.032.775
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	737.632.930	64.346.212	128.040.885.663	1.669.776.924	130.512.641.729
2. Số cuối năm	666.583.367	290.461.120	143.207.015.623	2.156.224.251	146.320.284.361

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2011

260.186.500	1.372.100.224	112.087.334.029	850.802.631	114.570.423.384
-------------	---------------	-----------------	-------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Tài sản cố định vô hình

Tình hình tăng giảm tài sản trong năm như sau:

	<i>Phần mềm Quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	904.805.876	904.805.876
2. Tăng trong năm	911.413.457	911.413.457
<i>Do mua sắm</i>	911.413.457	911.413.457
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	1.816.219.333	1.816.219.333
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu năm	499.030.533	499.030.533
2. Tăng trong năm	292.015.724	292.015.724
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	791.046.257	791.046.257
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu năm	405.775.343	405.775.343
2. Số cuối năm	1.025.173.076	1.025.173.076

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2011

436.125.276

436.125.276

12. Chi phí xây dựng cơ bản

Gồm những chi phí đầu tư vào các công trình cải tạo, sửa chữa; Các công trình phát triển mạng lưới cung cấp nước và các công trình khác. Chi tiết phát sinh tăng giảm các công trình trong năm như sau:

Số đầu năm:	18.897.663.575 VND
Đầu tư thêm trong năm:	57.616.549.611 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong năm:	38.297.189.609 VND
Kết chuyển vào chi phí trong năm:	17.219.813.856 VND
Số cuối năm:	20.997.209.721 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

13. Chi phí trả trước dài hạn

Bộ phận	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	736.002.179	-	122.667.030	613.335.149
Cộng	736.002.179	-	122.667.030	613.335.149

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Công trình giao thông Quận 8	35.539.528	426.755.530
- Công ty TNHH An Phát	36.212.445	75.223.384
- Cty CP TV & ĐT Đô Thị Việt	6.838.750	-
- Công ty TNHH TM XD Việt Long	-	137.677.654
- Công ty CP ĐT XD và TM Thái Bình Dương	-	196.614.447
- CTY CP TM DV XD Lương Nguyễn	358.313.704	506.402.317
- Công ty CP XD SX TM HTH	-	41.951.168
- Công ty TNHH Công Nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	17.715.750	33.102.738
- Công ty QL CTGT Sài Gòn	3.555.477.018	98.316.426
- Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	555.511.691	387.622.691
- Công ty Cổ phần Đại Lộc	-	348.340.570
- Công ty CP Công Nghệ Việt Á	-	42.685.500
- Cửa hàng Vật Liệu Xây Dựng Kim Phương	-	266.661.141
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	-	415.025.830
- Công ty Công trình Giao thông Công Chánh	43.391.855	390.526.690
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Minh	-	125.760.712
- Cửa hàng Trang Trí Nội Thất Phú Lợi	-	96.550.000
- Công ty dịch vụ Công Ích huyện Bình Chánh	36.268.202	-
- Công ty TNHH Đạt Đức	382.274.356	-
- Phải trả người bán khác	147.942.988	249.219.647
Cộng	5.175.486.287	3.838.436.445

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Truy thu tiền thất thoát nước	471.611.540	-
- Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	75.816.378	-
- Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành	115.913.655	-
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	107.839.500	107.839.500
- Công ty CP Hùng Vương	-	47.506.000
- Các khách hàng khác	534.931.530	549.158.923
Cộng	1.306.112.603	704.504.423

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
I. Thuế	1.746.676.305	10.348.030.965	8.691.496.428	3.403.210.842
1. Thuế GTGT hàng nội địa	-	407.566.528	407.566.528	-
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.323.605.928	5.907.733.534	4.488.177.016	2.743.162.446
3. Thuế nhà đất	-	199.339.200	199.339.200	-
4. Các loại thuế khác	423.070.377	3.833.391.703	3.596.413.684	660.048.396
- Thuế thu nhập cá nhân	423.070.377	3.830.391.703	3.593.413.684	660.048.396
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
II. Các khoản phải nộp khác	5.564.551.479	54.070.690.432	54.393.049.814	5.242.192.097
Các khoản phí, lệ phí	5.564.551.479	54.070.690.432	54.393.049.814	5.242.192.097
Tổng cộng	7.311.227.784	64.418.721.397	63.084.546.242	8.645.402.939

• Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng:
 - + Doanh thu cung cấp nước : 5 %
 - + Doanh thu lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác : 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số (V.14)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.266.490.499	22.599.408.699
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	(1.154.193.150)	1.260.235.069
- Tổng thu nhập chịu thuế	36.112.297.350	23.859.643.768
Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch (20%)	27.168.303.829	16.776.344.034
+ Thu nhập từ thu nhập khác (25%)	8.943.993.520	7.083.299.734
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp (25%)	9.028.074.337	5.126.093.740
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN từ các năm trước	954.904.771	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.982.979.108	3.484.606.080
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	4.075.245.574	1.641.487.661
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.907.733.534	3.484.606.080

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Phải trả người lao động

12.881.484.637

Quỹ lương được xác định dựa vào tổng sản lượng nước bán ra trong kỳ. Đơn giá tiền lương 630,08 đồng/m³. Theo Quyết định của Hội Đồng Quản trị. Đồng thời trích lương của đội thi công lắp đặt đường ống và đồng hồ nước ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Số dư cuối kỳ là tiền lương đã trích trong năm 2011 nhưng chưa chi hết. Đến 31/03/2012 nếu không chi hết công ty sẽ điều chỉnh giảm chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	8.655.558.033	3.771.073.047
- Trích trước chi phí gắn ống nước, đồng hồ, ký hợp đồng mới	2.118.105.840	3.916.331.424
Cộng	10.773.663.873	7.687.404.471

19. Phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn, BH xã hội, BH Y tế	92.489.801	78.182.974
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	392.540.351	265.552.331
- Phải trả TCT CP xây dựng cơ bản dở dang tài sản cố định	7.767.384.755	7.003.308.905
- Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	14.604.954.638	10.629.565.146
- Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	-	92.011.499
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	626.962.445	421.618.450
- Chi nhánh Cấp Nước Tân Hoà	-	37.577.314
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	2.503.231.722	1.666.289.962
- Khu quản lý giao thông đô thị số 4	6.180.598.889	6.180.598.889
- Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị	2.232.148.000	1.423.045.000
- Phải trả khác	258.406.723	693.687.297
Cộng	34.658.717.324	28.491.437.768

20. Phải trả dài hạn khác

Khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm

Cộng	14.961.245.641	11.868.516.558
	14.961.245.641	11.868.516.558

21. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Thanh toán trong năm	Số cuối năm
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	120.254.111	-	27.428.000	92.826.111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	1.674.387.191	-	349.996.000	1.324.391.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	2.440.016.927	-	570.312.000	1.869.704.927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	933.990.616	-	185.200.000	748.790.616

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Thanh toán trong năm	Số cuối năm
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	3.880.547.665	-	632.000.000	3.248.547.665
Hợp đồng 5437/HĐVV ngày 11 tháng 12 năm 2008	1.434.000.000	-	1.434.000.000	-
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 10 tháng 02 năm 200	552.758.529	-	78.427.220	474.331.309
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	108.942.413	-	3.026.178	105.916.235
Cộng	11.144.897.452	-	3.280.389.398	7.864.508.054

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4198/HĐVV - TCT - KTTC ngày 24 tháng 08 năm 2007*
 - + Hạn mức vay : 246.869.000 VND
 - + Lãi vay : 5,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4371/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 09 năm 2007*
 - + Hạn mức vay : 3.149.964.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1389/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 5.132.808.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 1.666.800.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 5.688.000.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 5437/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 12 năm 2008*
 - + Số tiền vay : 5.736.000.000 VND
 - + Lãi vay : 5,4%/năm
 - + Thời hạn vay : kể từ ngày giải ngân đến hết 01 năm kể từ ngày UBND TP.Hồ Chí Minh ban hành bảng giá nước thay thế bảng giá nước hiện hành.
 - + Mục đích vay : Thực hiện gắn đồng hồ nước cho khách hàng theo khoản 3 điều 42 Nghị định 117.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009*
 - + Số tiền vay : 705.845.000 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010*
 - + Số tiền vay : 108.942.413 VND
 - + Lãi vay : 8,4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Số dư đầu năm		474.993.463
- Số trích lập trong năm	277.437.378	
- Số chi trong năm	97.291.900	
Số cuối năm	655.138.941	

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	7.346.621.153	2.557.769.499	356.771.516	13.462.431.720	153.723.593.888
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	19.114.802.620	19.114.802.620
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trích lập quỹ trong năm trước	-	1.597.805.550	1.217.430.748	243.000.000	13.375.667.046	10.317.430.748
- Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	266.993.478	-	266.993.478
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	130.000.000.000	8.944.426.703	3.775.200.247	332.778.038	19.201.567.294	162.253.972.282
Năm nay						
- Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	8.944.426.703	3.775.200.247	332.778.038	19.201.567.294	162.253.972.282
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	27.283.511.391	27.283.511.391
- Tăng khác	-	6.436.786.788	-	-	-	6.436.786.788
- Trích lập quỹ trong năm	-	2.271.139.628	1.747.331.496	-	6.114.802.620	(2.096.331.496)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)
- Chi quỹ trong năm	-	-	-	332.778.038	-	(332.778.038)
- Giảm khác	-	-	-	-	2.361.541.214	(2.361.541.214)
Số dư cuối năm	130.000.000.000	17.652.353.119	5.522.531.743	-	25.008.734.851	178.183.619.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của Nhà Nước	66.304.000.000	66.304.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng do thu khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Quỹ khen thưởng	480.325.532	873.665.748	30.100.000	658.300.000	725.791.280
- Quỹ phúc lợi	182.975.283	873.665.748	-	831.638.140	225.002.891
- Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	332.778.038	349.000.000	-	209.400.001	472.378.037
Cộng	996.078.853	2.096.331.496	30.100.000	1.699.338.141	1.423.172.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	565.850.928.404	458.047.942.913
- Doanh thu cung cấp nước	552.921.992.574	448.316.235.192
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.928.935.830	9.731.707.721
Khoản giảm trừ doanh thu	(333.038.043)	(496.704.326)
Hàng bán bị trả lại	(333.038.043)	(496.704.326)
Hàng bán bị trả lại cung cấp nước	(37.447.175)	(132.713.600)
Hàng bán bị trả lại cung cấp dịch vụ	(295.590.868)	(363.990.726)
Doanh thu thuần	565.517.890.361	457.551.238.587
Trong đó	-	-
- Doanh thu cung cấp nước	552.884.545.399	448.183.521.592
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.633.344.962	9.367.716.995

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn cung cấp nước (*)	505.990.098.486	412.458.976.064
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.332.543.621	8.631.346.525
Cộng	512.322.642.107	421.090.322.589

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước trong năm như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	381.730.185.925	298.640.045.246
- Chi phí nhân công trực tiếp	34.787.682.980	25.593.289.547
- Chi phí sản xuất chung	89.472.229.581	88.225.641.271
Tổng chi phí sản xuất	505.990.098.486	412.458.976.064
- Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản phẩm	505.990.098.486	412.458.976.064
- Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
Giá vốn nước đã cung cấp	505.990.098.486	412.458.976.064

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.728.523.458	5.826.219.539
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	465.467.811	496.127.068
Cộng	9.193.991.269	6.322.346.607

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	783.812.122	855.474.401
Cộng	783.812.122	855.474.401

5. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên	5.797.406.316	4.676.454.516
- Chi phí công cụ dụng cụ	227.180.863	207.604.171
- Chi phí khấu hao	156.758.393	130.389.823
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.329.503	25.090.000
- Chi phí bằng tiền khác	916.976.960	504.294.401
Cộng	7.258.652.035	5.543.832.911

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	9.613.681.550	8.622.453.627
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.161.670.042	713.944.000
- Chi phí khấu hao	1.108.720.750	981.330.688
- Thuế, Phí và lệ phí	213.407.700	202.573.576
- Chi phí lập dự phòng	486.676.496	119.024.975
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.785.744.063	2.156.228.103
- Chi phí bằng tiền khác	2.866.881.608	1.342.351.996
Cộng	17.236.782.209	14.142.859.147

7. Thu nhập khác

- Thu hồ sơ mời thầu	53.636.362	56.818.182
- Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ổng cái	50.644.215	1.016.060.644
- Thu thanh lý vật tư, CCDC	13.518.182	-
- Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng	225.320.430	67.836.886
- Thu nhập khác	70.209.770	109.886.122
Cộng	413.328.959	1.250.601.834

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí hồ sơ mời thầu	40.766.354	34.090.909
- Chi phí thanh lý vật tư, CCDC	125.713.575	-
- Xử lý nguyên vật liệu thiếu	60.872.723	38.514.463
- Xử lý công nợ không thu hồi được	-	706.067.320
- Chi phí khác	29.478.966	113.616.589
Cộng	256.831.618	892.289.281

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.283.511.391	19.114.802.620
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.283.511.391	19.114.802.620
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.099	1.470

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.175.512.349	24.753.387.876
- Chi phí nhân công	57.576.800.041	38.892.197.690
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.233.467.368	26.005.159.967
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.913.756.925	2.684.932.704
- Chi phí khác	41.188.353.742	49.801.291.162
Cộng	155.087.890.425	142.136.969.399

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Năm nay	Năm trước
Đã trả	3.280.389.398	5.546.636.000
Phải trả chi phí XD CB và TSCĐ	5.422.440.400	588.486.068
Đã trả	634.668.546	934.313.391
Phải thu các khoản chi hộ	295.822.018	20.000.000
Đã thu	316.915.926	20.000.000
Công ty CP cấp nước Bến Thành		
Đã thu tiền cho mượn vật tư	-	4.200.338
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa		
Cho mượn vật tư	81.153.509	212.786.500
Đã thu hồi vật tư cho mượn	118.730.825	312.466.593
Mượn vật tư	78.164.963	309.293.718
Đã trả vật tư	78.164.963	311.683.234
Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An		
Cho mượn vật tư	-	131.950.000
Đã thu hồi vật tư cho mượn	23.400.000	108.550.000
Mượn vật tư	-	2.167.457
Đã trả vật tư	-	144.380.500
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức		
Cho mượn vật tư	-	214.491.600
Đã thu hồi vật tư cho mượn	214.491.600	-
Mượn vật tư	-	-
Đã trả vật tư	-	34.279.069
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB	43.391.855	390.526.690
Đã trả chi phí thực hiện công trình XD CB	390.526.690	-
Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, giá công Đồng hồ nước	10.131.212.971	7.940.878.462
Đã trả	8.187.616.937	10.555.791.781
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	1.129.082.379	368.553.424
Đã trả	577.555.453	821.774.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Nợ phải thu	3.003.092.729	23.552.764.303
Phải thu khác	50.470.764	20.579.048.430
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn trước CP	2.872.765.106	2.872.765.106
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn sau CP	79.856.859	100.950.767
Nợ phải trả	31.659.390.347	28.885.611.003
Phải trả tiền mua nước và vật tư ngành nước	1.314.703.400	-
Phải trả khác	22.372.339.393	17.632.874.051
Phải trả tiền vay	7.864.508.054	11.144.897.452
Ứng trước thi công trụ cứu hỏa	107.839.500	107.839.500
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa		
Phải trả về việc mượn vật tư	(2)	37.577.314
Phải thu về việc cho mượn vật tư	-	-
Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An		
Phải trả về việc mượn vật tư	-	23.400.000
Phải thu về việc cho mượn vật tư	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức		
Phải trả về việc mượn vật tư	-	214.491.600
Phải thu về việc cho mượn vật tư	-	-
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả tiền đặt cọc di dời đường ống	30.000.000	30.000.000
Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB	43.391.855	390.526.690
Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước		
Ứng trước tiền thực hiện công trình XD CB, gia công Đồng hồ nước	1.708.484.035	3.652.080.069
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	209.493.136	761.020.062

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	38,90	39,16
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	61,10	60,84
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	35,56	34,43
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	64,44	65,57
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,81	2,90
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,44	1,57
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,96	0,28
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,59	4,94
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,82	4,18
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	13,48	9,13
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	9,87	7,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	15,31	11,78

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2012


PHẠM MẠNH ĐỨC – Giám đốc


LẠI THỊ THU – Kế toán trưởng